TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 127/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 21-11-2022
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Phong.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh

Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên toà: Bà Lưu Kim Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 338/2022/TLST-HNGĐ ngày 10/8/2022 về việc "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hoài T, sinh năm 1987; địa chỉ: ấp A, xã H, huyện P, tỉnh B, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Trung T, sinh năm 1979; địa chỉ: 70/4 đường V , phường P, thành phố T, tỉnh B, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hoài T trình bày: Bà Nguyễn Thị Hoài T và ông Nguyễn Trung T sống chung như vợ chồng và đăng ký kết hôn vào năm 2009 tại UBND xã H, huyện P, tỉnh B theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 139/2009 ngày 31/12/2009. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sống hòa thuận với nhau đến năm 2020 cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, nguyên nhân vợ chồng bất đồng quan điểm, ông Tín không quan tâm vợ con, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng kéo dài dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc, tình nghĩa vợ chồng không còn, mục đích

hôn nhân không đạt được. Trong thời gian chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Trung K, sinh ngày 20/8/2011 và Nguyễn An N, sinh ngày 22/02/2020. Nay bà Nguyễn Thị Hoài T yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hoài T yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Trung T.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Trung K, sinh ngày 20/8/2011 và Nguyễn An N, sinh ngày 22/02/2020. Sau khi ly hôn bà Nguyễn Thị Hoài T yêu cầu được nuôi 02 con chung. Bà Nguyễn Thị Hoài T không yêu cầu ông Nguyễn Trung T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Nguyễn Trung T: Quá trình tố tụng giải quyết Tòa án ban hành thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuyển giao tài liệu, chứng cứ nguyên đơn khởi kiện, thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và quyết định đưa vụ án ra xét xử công khai tại Tòa án bị đơn ông Nguyễn Trung T không đến Tòa án cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Từ khi thụ lý vụ án đến trước phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về phần thủ tục Kiểm sát viên không có kiến nghị khắc phục gì thêm.

Về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1. Về quan hệ pháp luật: Bà Nguyễn Thị Hoài T có đơn xin ly hôn với ông Nguyễn Trung T và có yêu cầu giải quyết về vấn đề con chung. Như vậy, quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2. Về sự tham gia phiên tòa của các đương sự: Bị đơn ông Nguyễn Trung T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Nguyễn Trung T không đến Tòa án để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án Hội đồng

xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hoài T có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Nguyễn Thị Hoài T và ông Nguyễn Trung T tự nguyện tìm hiểu nhau và có đăng ký kết hôn năm 2009 tại UBND xã H, huyện P, tỉnh B theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 139/2009 ngày 31/12/2009 đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Bà Nguyễn Thị Hoài T cho rằng vợ chồng sống chung nhưng không hạnh phúc. Nguyên nhân do ông Nguyễn Trung T không có trách nhiệm với gia đình, vợ và con, không cùng chăm lo kinh tế để nuôi con chung, vợ chồng đã không còn sống chung với nhau, mạnh ai nấy sống. Quá trình tố tụng giải quyết Tòa án ban hành thông báo về phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuyển giao tài liệu, chứng cứ nguyên đơn khởi kiện, thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và quyết định đưa vụ án ra xét xử công khai tại Tòa án bị đơn ông Nguyễn Trung T không đến Tòa án cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Như vậy thể hiện bị đơn ông Nguyễn Trung T vắng mặt không có lý do chính đáng là đã tự từ bỏ quyền tố tụng và nghĩa vụ chứng minh của mình và phải chịu hậu quả pháp lý từ việc này. Do đó hội đồng xét xử chỉ xem xét các chứng cứ do nguyên đơn xuất trình và do Tòa án thu thập. Bà Nguyễn Thị Hoài T yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với ông Nguyễn Trung T do tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, hôn nhân không thể kéo dài, vợ chồng đã ly thân mạnh ai nấy sống nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn ông Nguyễn Trung T là có căn cứ, đúng pháp luật theo quy định tại theo Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Hoài T và ông Nguyễn Trung T có 02 con chung tên Nguyễn Trung K, sinh ngày 20/8/2011 và Nguyễn An N, sinh ngày 22/02/2020. Sau khi ly hôn bà Nguyễn Thị Hoài T yêu cầu được nuôi 02 con chung là phù hợp với nguyên vọng của con chung. Ông Nguyễn Trung T vắng mặt không có lý do chính đáng không yêu cầu giải quyết về nuôi con chung, do đó hội đồng xét xử chỉ xem yêu cầu của nguyên đơn về nuôi con chung.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Từ phân tích trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hoài T được ly hôn với ông Nguyễn Trung T là có căn cứ.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên Tòa đề nghị cấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp.

[8] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Hoài T phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hoài T về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" đối với bị đơn và ông Nguyễn Trung T.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hoài T được ly hôn với ông Nguyễn Trung T (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 139/2009 ngày 31/12/2009 của UBND xã H, huyện P, tỉnh B không còn giá trị pháp lý).

1.2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Hoài T là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc 02 con chung tên Nguyễn Trung K, sinh ngày 20/8/2011 và Nguyễn An N, sinh ngày 22/02/2020.

1.3. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình: Bà Nguyễn Thị Hoài T nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tạm ứng trước đây theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0001746 ngày 08/8/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- CC THADS TP. Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- UBND xã Vĩnh Hòa, huyện Phú Giáo;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Phong